CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Thống Nhất Hà Nội

Ngày 31/12/2024	8,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0%	0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,900 - 8,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	211
Số lượng CPLH (CP)	23,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	
P/E	

DT thuần
Q4/24
51.1
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/24
-0.62
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/24
-0.58
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2024

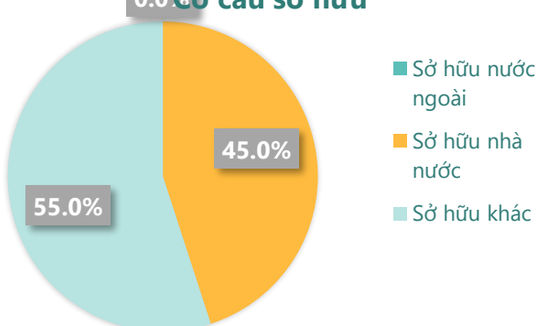
ROE
2024

DT thuần
2024
tỷ VNĐ

LN thuần
2024
tỷ VNĐ

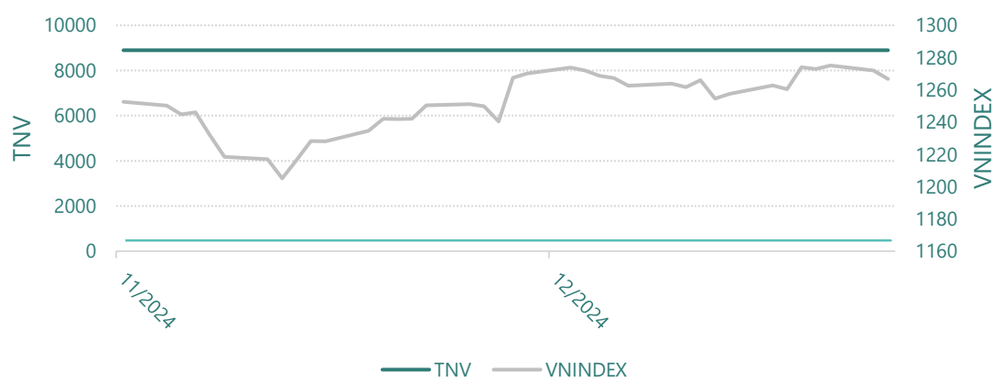
LN sau thuế
2024
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

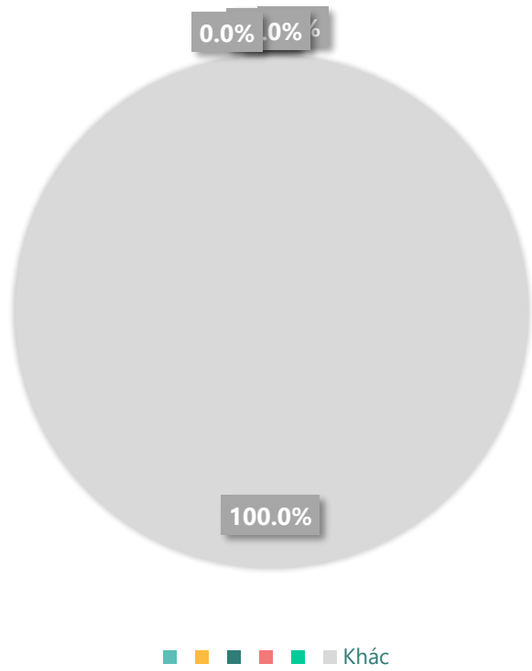


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



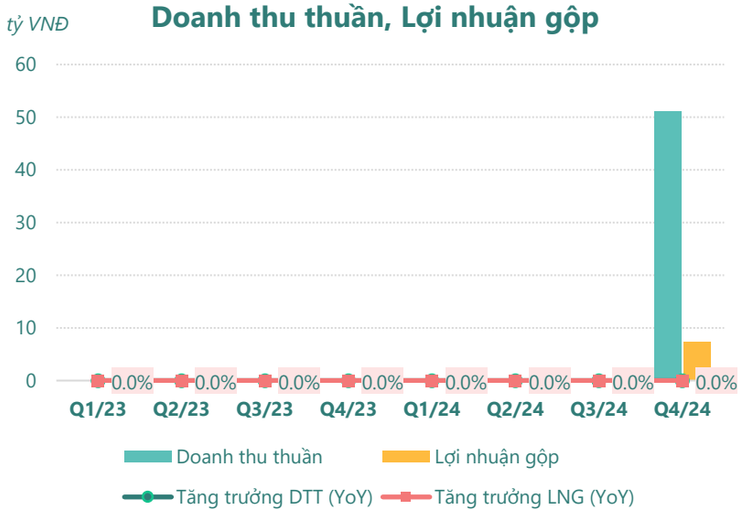
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

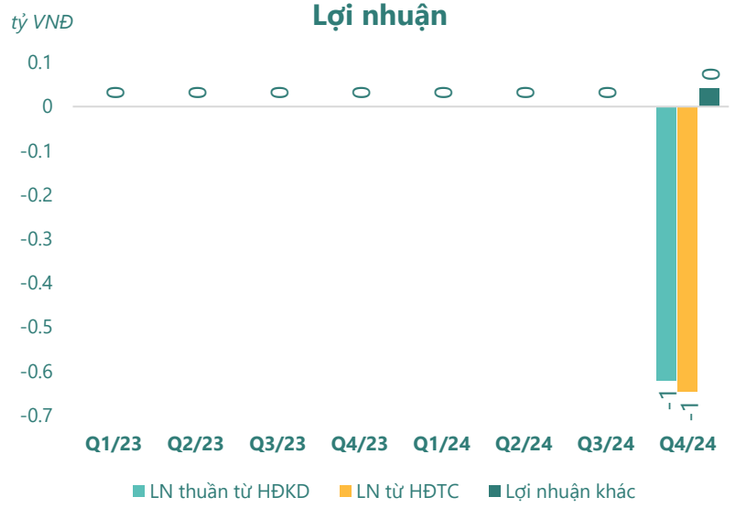
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



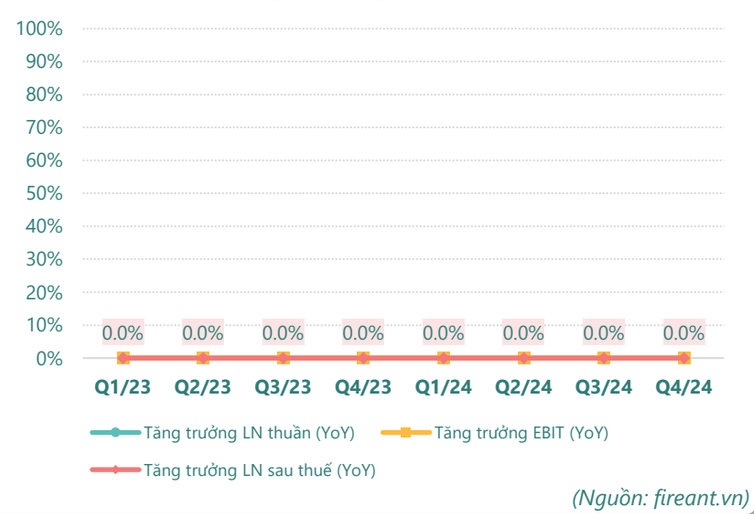
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



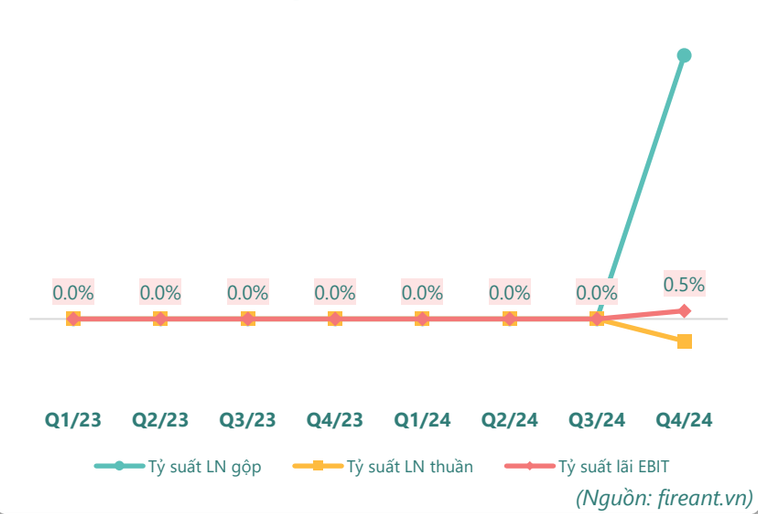
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



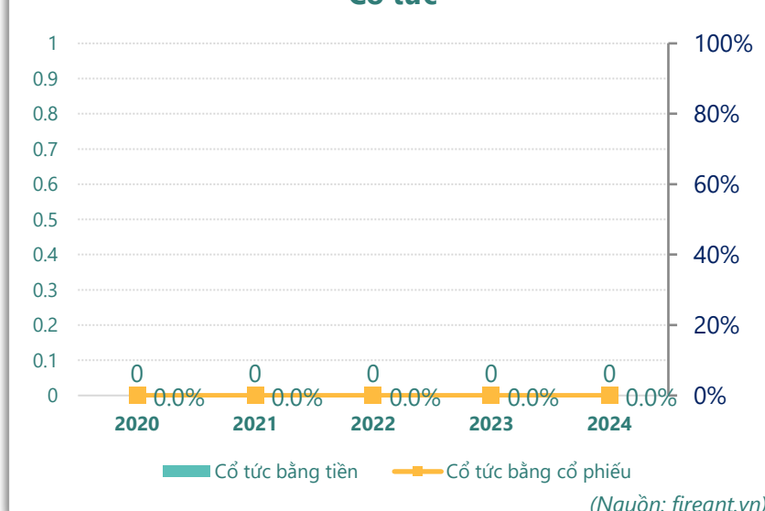
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



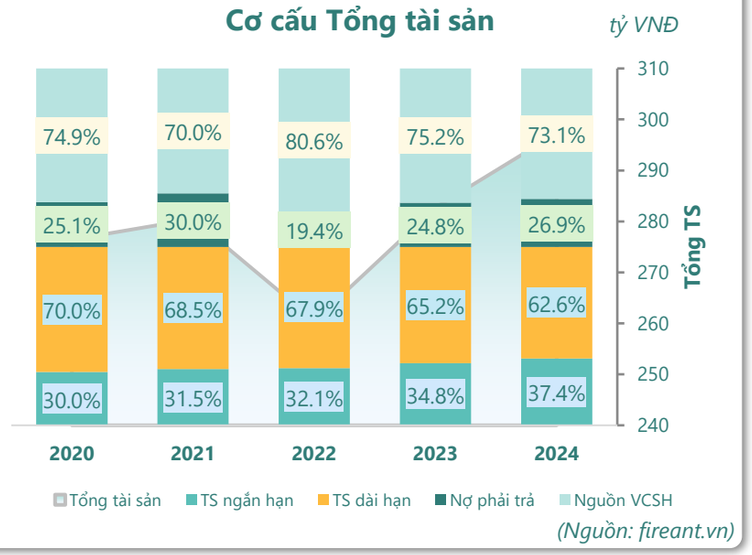
(Nguồn: fireant.vn)

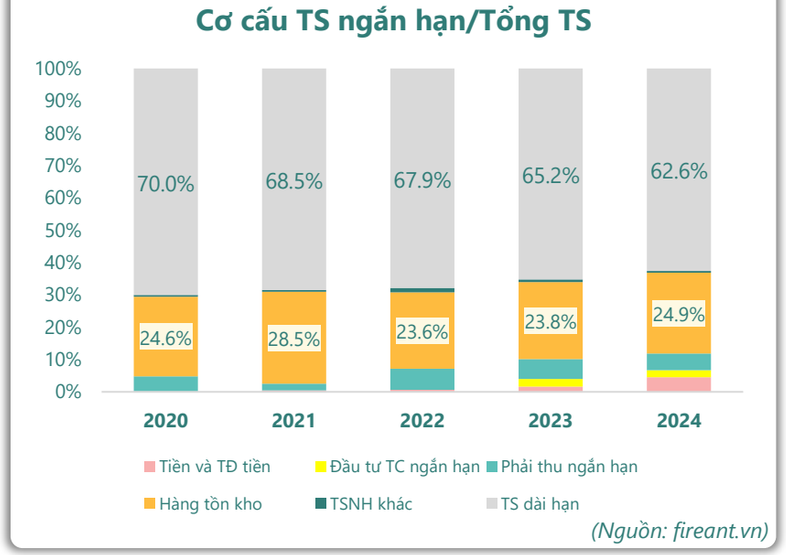
Cổ tức

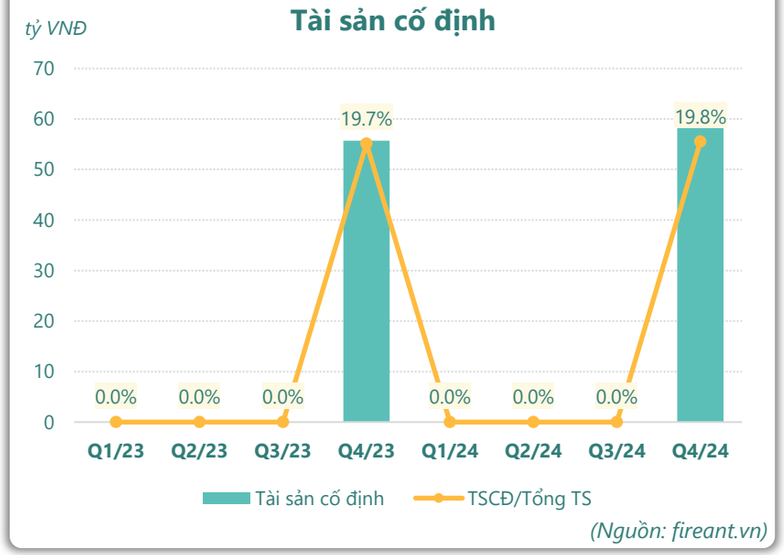


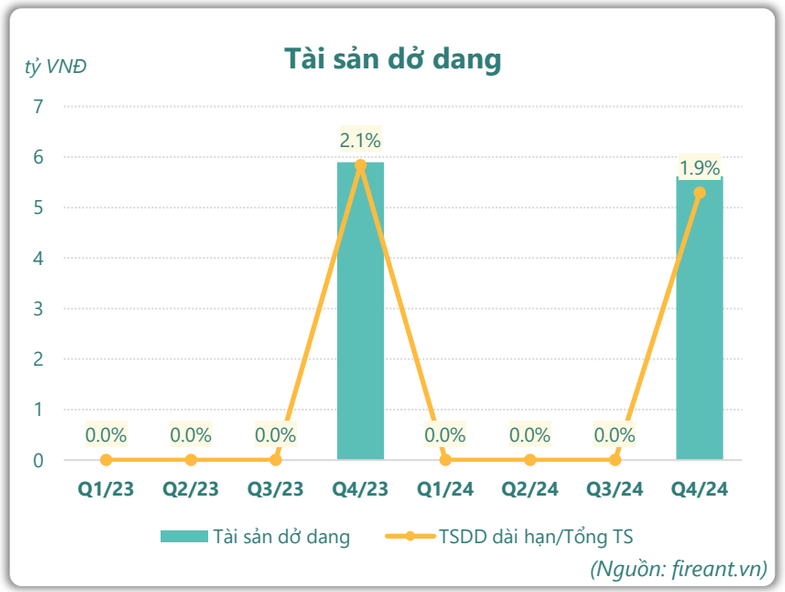
(Nguồn: fireant.vn)

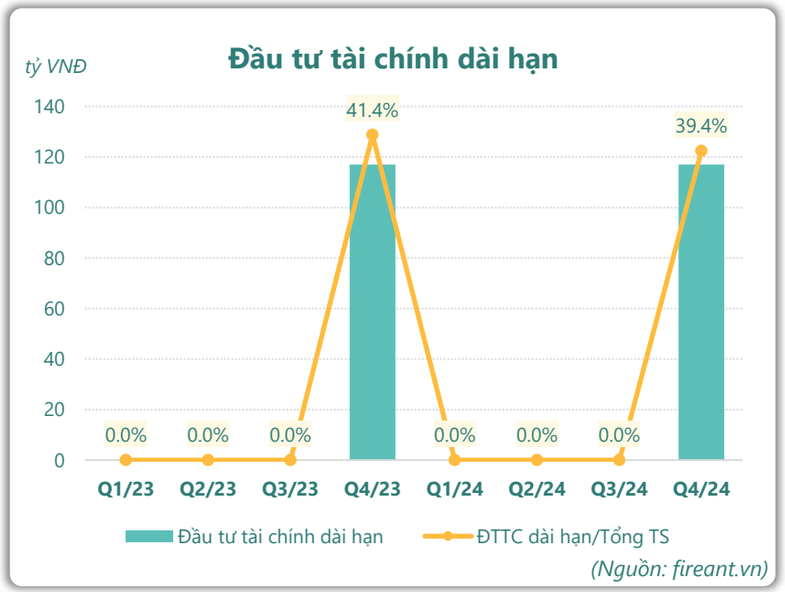
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

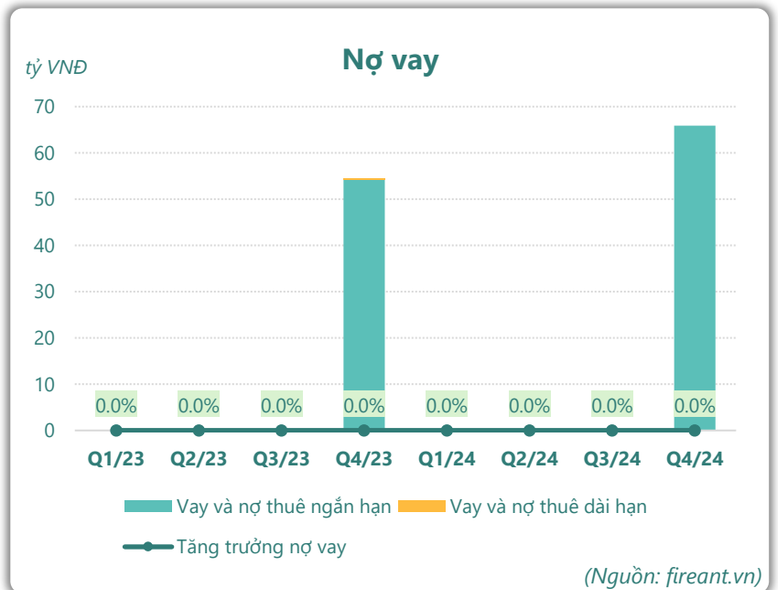






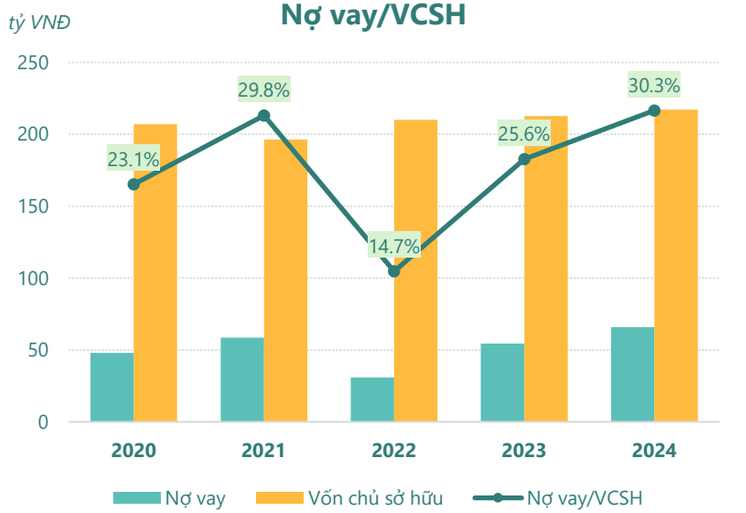






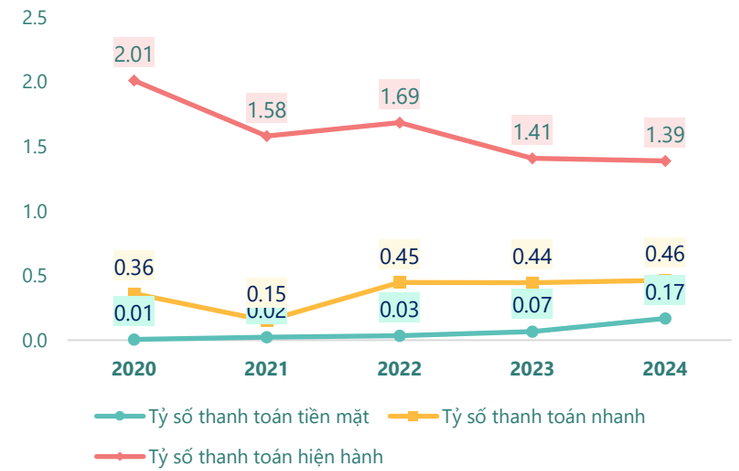
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



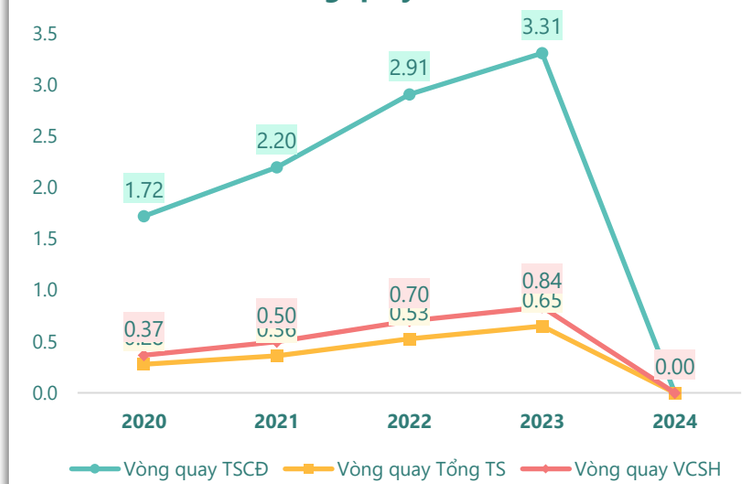
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



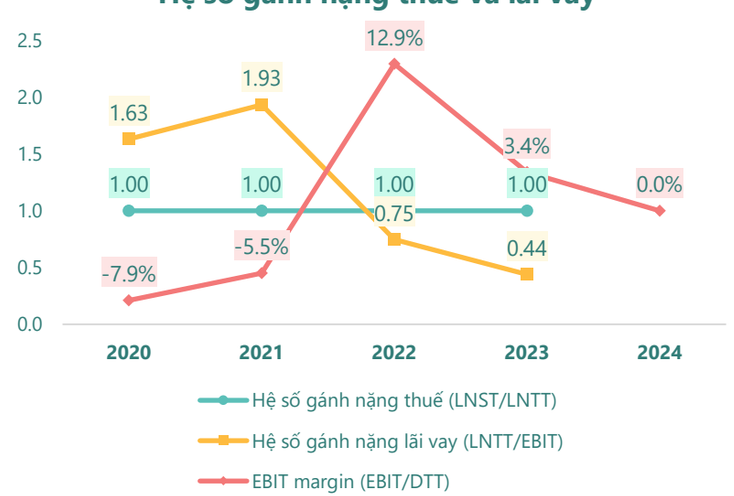
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



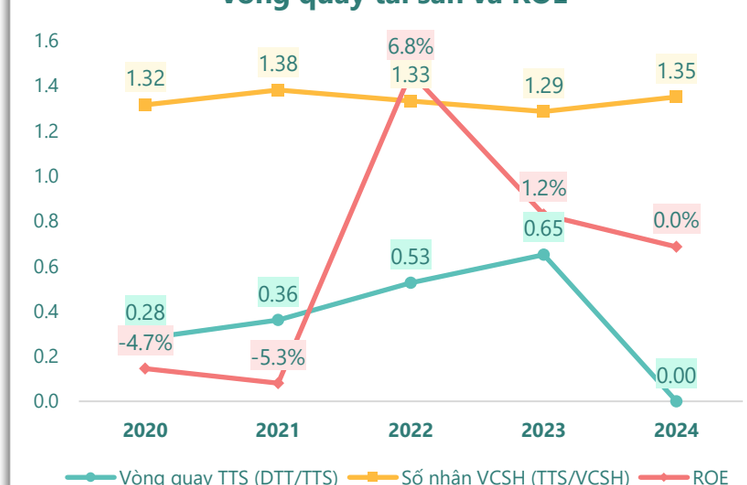
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



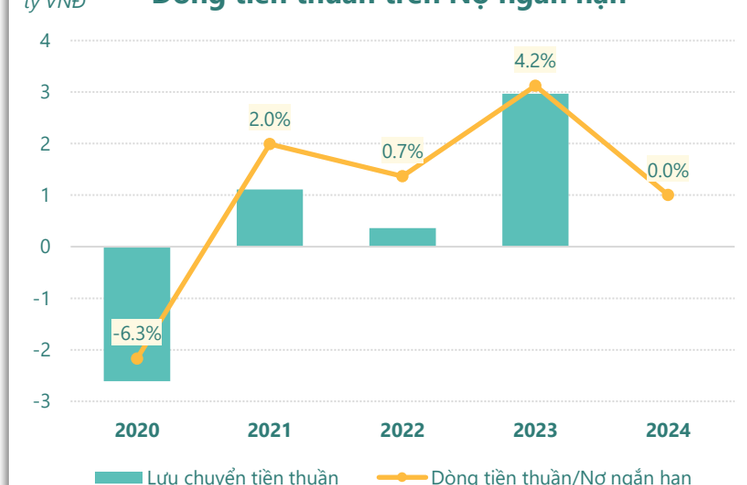
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**51.1**				**177**	
Giá vốn hàng bán	43.7				148	
Lợi nhuận gộp	7.43				28.8	
Doanh thu HĐTC	0.16				0.31	
Chi phí TC	0.81				3.37	
Chi phí lãi vay	0.81				3.36	
LN trong công ty LKLD	**0**				**0**	
Chi phí bán hàng	4.12				12.4	
Chi phí QLDN	**3.28**				**9.95**	
LN thuần từ HĐKD	-0.62				3.31	
Lợi nhuận khác	**0.04**				**-0.68**	
LN trước thuế	-0.58				2.63	
Lợi nhuận sau thuế	**-0.58**				**2.63**	
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.58**				**2.63**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**297**	**283**	**5.1%**
Tài sản ngắn hạn	111	98.4	13.1%
Tiền và tương đương tiền	13.5	4.67	188%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.50	6.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	15.3	17.5	-12.4%
Hàng tồn kho	74.1	67.4	10.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.81	2.32	-22.0%
Tài sản dài hạn	**186**	**184**	**0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	58.9	55.7	5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.62	5.90	-4.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	117	117	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**4.44**	**5.73**	**-22.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	80.1	70.0	14.4%
Nợ ngắn hạn	**80.1**	**69.8**	**14.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	65.9	54.2	21.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.33	5.79	26.4%
Nợ dài hạn	0	0.20	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.20	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**217**	**213**	**2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**217**	**213**	**2.1%**
Vốn điều lệ	237	237	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)